TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 57/2018/DS-PT
Ngày: 28-3-2018
V/v tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: 1. Ông Trịnh Văn Toàn

2. Ông Trương Công Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLPT-DS ngày 22/01/2018,về việc "Tranh chấp quyền sở hữu đối với tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS -ST ngày 27/11/2017 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2018/QĐ-PT ngày 06/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị V, có mặt.

Địa chỉ cư trú: 59 T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*2. Bị đơn:*Bà Nguyễn Thị T, có mặt.

Địa chỉ cư trú: L17 D; thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người làm chứng:

Bà Trần Thị Tuyết M *(Tên gọi khác:* H), vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: 39 T, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

4. Người kháng cáo: Bị đơn Bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Bà Hoàng Thị V trình bày:**

Bà Nguyễn Thị T có tham gia 02 dây huê do bà V làm chủ đều theo hình thức huê áp thảo, tháng xổ 01 lần, cụ thể:

Dây huê thứ nhất: Huê 5.000.000 đồng/kỳ/thành viên, gồm 14 thành viên, bắt đầu từ ngày 10/02/2010 (âm lịch) kết thúc ngày 10/3/2011 (âm lịch), kỳ 1 bà T đóng 5.000.000 đồng, kỳ 2 bà T đóng 4.300.000 đồng, kỳ 3 bà T hốt số tiền 56.200.000 đồng (gồm 02 kỳ huê chết x 5.000.000 đồng và 11 kỳ huê sống x 4.200.000 đồng/thành viên). Sau khi hốt xong bà T không đóng nữa.

Dây huê thứ hai: Huê 10.000.000 đồng/kỳ/thành viên, gồm 14 thành viên, bắt đầu từ ngày 20/02/2010 (âm lịch) kết thúc ngày 20/3/2011 (âm lịch), kỳ 1 bà T đóng 10.000.000 đồng, kỳ 2 bà T đóng 8.200.000 đồng, kỳ 3 bà T hốt số tiền 110.200.000 đồng (gồm 02 kỳ huê chết x 10.000.000 đồng và 11 kỳ huê sống x 8.200.000 đồng/ thành viên). Sau khi hốt xong bà T không đóng nữa. Bà V có lập sổ theo dõi huê, ghi tên các thành viên tham gia chơi huê, số tiền chồng cho các thành viên từng kỳ hốt huê.

Ngoài ra, thời gian đó bà V và bà T làm ăn chung với nhau và có thỏa thuận chia lãi và bà T còn nợ bà V 12.000.000 đồng. Bà V đã đòi nhiều lần thì bà T xin khất và có viết giấy xác nhận còn nợ bà V 12 triệu đồng và11 kỳ huê cả 5.000.000 đồng và 10.000.000 đồng như đã nêu trên và xin 3 - 4 tháng sau đóng lại; nhưng bà T không giữ đúng lời hứa mà chỉ đóng cho bà V 06 lần: Ngày 10/8/2010(âm lịch) đóng 4.500.000đồng; ngày 20/8/2010(âm lịch) đóng 9.000.000đồng; ngày 26/02/2011 đóng 10.000.000 đồng; Ngày 10/4/2011(âm lịch) đóng 5.000.000đồng; ngày 20/4/2011 đóng 10.000.000đồng; ngày 10/5/2011(âm lịch) đóng 5.000.000đồng, tổng số tiền là 43.500.000 đồng, bà V có ghi vào sổ theo dõi huê (trang 32). Sau đó bà T không đóng huê cũng không trả tiền nợ cho bà V. Giấy xác nhận nợ này bà T viết vào đầu năm 2011.

Quá trình giải quyết vụ án, bà V có đơn xin thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà T: Rút số tiền huê 69.600.000đồng; còn lại bà V đề nghị Tòa án buộc bà T phải có trách nhiệm trả cho bà V số tiền huê gốc còn thiếu là 95.400.000 đồng và tiền nợ 12.000.000 đồng. Tổng cộng bà T phải trả cho bà V 107.400.000 đồng.

Bà V không yêu cầu chồng bà T phải có trách nhiệm cùng bà T trả cho bà V số nợ này.

*** Ý kiến trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị T có nội dung như sau:**

Từ trước đến nay bà T không tham gia chơi huê hụi gì dobà V làm chủ huê và bà T cũng không nợ nần gì với bà V. Do đó, việc bà Vcho rằng bà T có tham gia chơi 02 dây huê (01 dây 5.000.000đồng và 01 dây 10.000.000 đồng) gồm 14 người tham gia huê áp thảo là không đúng, còn việc bà V giao nộp cho Tòa giấy ghi nội dung:

"Tiền lãi 12.000.000, Huê đóng mỗi tháng 15.000.000, Bắt đầu từ tháng 5 Â,Cho em 3 – 4 tháng đóng lại và tất cả 11 kỳ cả 5 và 10 triệu

Ng nhận nợ ký và viết Ng Thị T"

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T xác định tờ giấy có nội dung nêu trên là do bà T viết và đó là chữ ký của bà T, nhưng tờ giấy này bà T không viết xác nhận nợ

cho bà V mà bà viết vào khoảng năm 2014 cho chủ huê khác và bị mất. Bà V kiện là do giữa bà và bà V có mâu thuẫn với nhau trong vụ kiện khác. Còn giữa bà với bà Trần Thị Tuyết M là nhân chứng thì không có mâu thuẫn gì. Do đó, đơn khởi kiện của bà V là không đúng nên đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà V.

*** Ý kiến trình bày của người làm chứng bà Trần Thị Tuyết Mcó nội dung như sau:**

Bà M quen biết cả bà V và bà Nguyễn Thị T; năm 2010 bà M có tham gia chơi 02 dây huê do bà V làm chủ theo hình thức huê áp thảo có 14 thành viên tham gia; dây huê thứ nhất 5.000.000 đồng/thành viên/tháng bắt đầu từ ngày 10/02/2010 (âm lịch), bà M chơi thế chân huê của bà Ng do bàNg đi Mỹ. Dây huê thứ hai 10.000.000đồng/thành viên/tháng bắt đầu từ ngày 20/02/2010 (âm lịch). BàM biết bà T cũng tham gia chơi 02 dây huê này cùng với bà M, còn việc bà T có đóng huê đầy đủ cho bà V hay không thì bà M không biết.

Tạibản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DSST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều166, Điều 274, khoản 1 Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứkhoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lývà sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị V.

Buộc bà Nguyễn Thị Ttrả cho bà Hoàng Thị V 107.400.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện 69.600.000 đồng của bà Hoàng Thị V, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 5.370.000đồng (Năm triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.Hoàn trả cho bà Hoàng Thị V 3.097.000đồng (Ba triệu không trăm chín mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Hoàng Thị V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0000747 ngày 30/6/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, về trình tự thủ tục thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/12/2017, Bà Nguyễn Thị Tcó đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng: Bà không tham gia chơi huê (đóng huê) của dây huê do bà Hoàng Thị V làm chủ và cũng không làm ăn chung với bà V. Do đó, việc bà V làm đơn khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà có trách nhiệm phải trả cho bà V 107.400.000 đồng là không đúng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của bà V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Trongquá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T không có cơ sở để xem xét, chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của Bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy rằng:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp là sổ huê và tờ giấy nhận nợ do Bà T viết, lời trình bày của người làm chứng là bà Trần Thị Tuyết Mai thì thấy có căn cứ để khẳng định: Trong thời gian từ ngày 10/02/2010đến ngày 20/3/2011 (âm lịch) Bà Nguyễn Thị T có tham gia chơi 02 dây huê do bà Hoàng Thị V làm chủ theo hình thức huê áp thảo, mỗi tháng xổ một lần. Do đó, nội dung kháng cáo của bị đơn bà T cho rằng không tham gia chơi huê (đóng huê) của dây huê do bà Hoàng Thị V làm chủ và cũng không làm ăn chung với bà V là không căn cứ để chấp nhận.

[2] Trong quá trình tham gia chơi huê do bà Hoàng Thị V làm chủ thì bà T tham gia đóng hai dây huê: Dây thứ nhất là dây huê 5.000.000 đồng, có 14 người tham gia, bắt đầu từ ngày 10/02/2010 kết thúc vào ngày 10/3/2011(âm lịch), bà T đã đóng kỳ 1 là 5.000.000 đồng, kỳ 2 là 4.300.000 đồng và đến kỳ 3 thì bà T là người hốt huê với số tiền 56.200.000 đồng, gồm 02 kỳ chết là 5.000.000đ = 10.000.000đ và 11 kỳ sống là 4.200.000đ = 46.200.000đ (BL số 19 trang 27 trong sổ huê do bà Hoàng Thị V cung cấp); Dây thứ hai là dây huê 10.000.000 đồng, có 14 người tham gia, bắt đầu từ ngày 20/02/2010 kết thúc vào ngày 20/3/2011(âm lịch), bà T đã đóng kỳ 1 là 10.000.000 đồng, kỳ 2 là 8.200.000 đồng và kỳ 3 bà T hốt 110.200.000 đồng, gồm 02 kỳ chết là 10.000.000đ = 20.000.000đ và 11 kỳ sống là 8.200.000đ = 90.200.000đ (BL số 19 trang 34 trong sổ huê do bà Hoàng Thị V cung cấp).

Như vậy, tổng số tiền bà T hốt cả 02 dây huê là 56.200.000 đồng + 110.200.000 đồng là 166.400.000 đồng, trong khi bà T mới đóng cả 02 dây huê là 27.500.000 đồng. Sau khi hốt huê do bà T không đóng tiền nữa nên bà V đã

phải dùng tiền của bà V để trả cho các thành viên khác, đồng thời bà T có ghi giấy nợ cho bà V có nội dung*"Tiền lãi 12.000.000, Huê đóng mỗi tháng 15.000.000, Bắt đầu từ tháng 5 Â, Cho em 3 – 4 tháng đóng lại và tất cả 11 kỳ cả 5 và 10 triệu"*. Về tờ giấy ghi nợ này được bà T thừa nhận là chữ viết và chữ ký của bà T viết và ký tên nhưng bà viết cho chủ huê khác, tuy bà T không thừa nhận viết xác nhận nợ cho bà V nhưng tài liệu này phù hợp với sổ huê của bà V ghi chép để theo dõi các thành viên đóng tiền và hốt huê, phù hợp với lời trình bày người làm chứng là bà Trần Thị Tuyết M nên có căn cứ để khẳng định bà T có tham gia chơi huê và chưa đóng đầy đủ số tiền huê cho bà V.

Thời gian sau đó bà T tiếp tục đóng tiền huê cho bà V được 06 lần với số tiền là 43.500.000 đồng được bà V ghi trong sổ huê (BL số 19 trang 32 trong sổ huê). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà V là 166.400.000 đồng (số tiền bà T hốt huê) - 27.500.000 đồng (số tiền bà T đóng) - 43.500.000 đồng (số tiền bà T đóng sau khi hốt huê) + 12.000.000 đồng (tiền lãi làm ăn chung) = 107.400.000 đồng là có căn cứ, cho nên đơn kháng cáo của bà T không có cơ sở để chấp nhận mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 166, Điều 274, khoản 1 Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo củaBà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 119/2017/DS -ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Hoàng Thị V.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị V số tiền 107.400.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

[2]Về án phí dân sự phúc thẩm:Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà Tđã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004974 ngày 04/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3]Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr